ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT#

HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: **QUAN HỆ QUỐC TẾ**#

Mã số:# # # # **7310206**

Tên cơ sở đào tạo: **ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

#
#
#
#
#
#

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2021

#

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Số: 13 /TTr-ĐHTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: QUAN HỆ QUỐC TẾ; Mã số: **7310206**
Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐTTg, ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trường chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2009.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)
- Cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Địa chỉ của Trường: Số 06, đường Trần Văn Ơn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650.3822.518 Fax: 0650.3837.150
- Websie: http//tdmu.edu.vn
- Loại trường: Công lập
- Sứ mệnh của trường Là trung tâm văn hóa, giáo dục và khoa học, công nghệ. Cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ và cả nước..

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) đang diễn ra trên toàn cầu, vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội rất tốt để Việt Nam có thể tận dụng xử lý hàng loạt vấn đề lớn trong phát triển kinh tế đất nước và tái cơ cấu trong lĩnh vực công nghiệp, cải tiến mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học trọng điểm đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các vùng phụ cận.

Đặc biệt, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi giảng viên. Thời gian qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục và Trường Đại học nước ngoài như Đại học Woosung (Hàn Quốc), Học viện văn hóa quốc tế Thiên Tân (Trung Quốc).

Hình thức đào tạo đại học các ngành trên là hệ chính quy tập trung, vừa làm vừa học, liên thông và bồi dưỡng ngắn hạn. Chương trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học,Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; các chương trình đào tạo đều tiếp cận phương pháp CDIO và "hòa hợp tích cực"; hiện đang tiến hành xây dựng 6 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và dự kiến đánh giá 4 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA

Quan hệ quốc tế là ngành học đã được giảng dạy ở nhiều trường đại học trên thế giới và Việt Nam; đây là một trong những ngành học truyền thống và rất cơ bản ở các viện, trường đại học lớn trên thế giới, là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành như kinh tế học, luật học, sử học, chính trị học… Mỗi ngành đều có cách tiếp cận đơn ngành, bộ phận đối với Quan hệ quốc tế. Đây là ngành học mang tính liên ngành, nhưng vẫn có những đặc thù riêng về đối tượng, phương pháp nghiên cứu.

Quá trình toàn cầu hóa đã khiến cho đời sống quốc tế ngày càng diễn ra hết sức sôi động với quy mô rộng lớn trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa…;

và không một quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập trong bối cảnh phát triển đó. Việc nghiên cứu các vấn đề quốc tế đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc nghiên cứu những vấn đề quốc tế sẽ phục vụ đắc lực cho việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của một quốc gia, đồng thời cũng nhằm triển khai có kết quả đường lối đó trong quá trình thực hiện đường lối quốc tế. Nghiên cứu quan hệ quốc tế giúp các nước có những bài học kinh nghiệm từ các nước trên thế giới về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội để bảo vệ quốc gia, từ đó chọn lựa vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình. Thực tiễn cho thấy Quan hệ quốc tế là một ngành học quan trọng, độc lập, có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách "Trải chiếu hoa mời gọi đầu tư", Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Hiện nay, Bình Dương có hơn 30 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung, hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh ở các lĩnh vực khác nhau. Bình Dương có hơn 32.000 doanh nghiệp trong nước và 3.300 công ty nước ngoài. Từ năm 2010, Bình Dương luôn thuộc nhóm có mức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cao nhất cả nước. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực có chuyên môn, hiểu biết là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương nói riêng và khu vực Đông Nam Bộ nói chung; đặc biệt là phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với yếu tố nước ngoài. Để giải quyết những yêu cầu trên, một trong nhiệm vụ quan trọng là thực hiện chương trình đào tạo ***Cử nhân Quan hệ quốc tế*** trình độ đại học để tăng cường về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới.

Hiện nay, liên quan trực tiếp đến ngành Quan hệ quốc tế, Đại học Thủ Dầu Một có 25 giảng viên, trong đó có 2 PGS - Tiến sĩ, 5 Tiến sĩ, 4 Thạc sĩ, 16 Nghiên cứu sinh gắn với các chuyên ngành Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Chính trị học, Luật, Ngôn ngữ Anh, Địa lý… với định hướng nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Quốc tế học có khả năng đảm bảo phụ trách toàn bộ chương trình đào

tạo. Tất cả các giảng viên trên đều là giảng viên cơ hữu tại trường, có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và các chứng chỉ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giảng viên, đã có kinh nghiệm đứng lớp nhiều năm đồng thời có kinh nghiệm, kết quả nhất định trong công tác nghiên cứu khoa học; đảm bảo việc phụ trách các học phần trong Chương trình.

Ngoài ra, khoa phục trách còn nhận được sự hỗ trợ từ các khoa, viện, trung tâm, phòng, ban trong trường về lực lượng giảng viên cho các học phần thuộc khối kiến thức đại, cương, cơ sở ngành khác cũng như các kỹ thuật viên, nhân viên các bộ phận. Bên cạnh đó còn thường xuyên mời các chuyên gia từ các cơ sở đào tạo có uy tín khác trong cả nước đến để cộng tác, chia sẻ, học tập kinh nghiệm để từ đó nâng cao chuyên môn.

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, trường Đại học Thủ Dầu Một còn đảm bảo hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất như thư viện thường xuyên cập nhật, bổ sung tài liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu giáo trình, tài liệu tham khảo của tất cả các môn học.

Chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất đặc biệt là thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành Quan hệ quốc tế.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Quan hệ quốc tế đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đúng chuyên ngành và có chuyên môn sâu về Quan hệ quốc tế. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Quan hệ quốc tế trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành

và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Quan hệ quốc tế phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. NGÔ HỒNG ĐIỆP

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /QĐ-HĐTr

Bình Dương, ngày 25 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở ngành mới

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT NHIỆM KỲ 1, KỲ HỌP LẦN THỨ BẢY

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030 và Tờ trình số 26/TTr-ĐHTDM ngày 17/7/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc mở ngành mới;

Căn cứ kết quả thảo luận, thống nhất của thành viên Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một tại cuộc họp ngày 25/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua việc mở 06 ngành đào tạo mới và chuyển đổi 04 ngành đào tạo trình độ Đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Cụ thể:

1. Mở mới:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
2.	Dinh dưỡng	7720401
3.	Sư phạm tiếng Anh	7140231
4.	Truyền thông đa phương tiện	7320104
5.	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247
6.	Sư phạm Khoa học xã hội	7140249

2. Chuyển đổi:

STT	Tên ngành cũ	Mã ngành cũ	Tên ngành mới	Mã ngành mới
1	Toán kinh tế	7310108	Sư phạm Toán học	7140209
2	Sinh học ứng dụng	7420203	Công nghệ Sinh học	7420201
3	Khoa học môi trường	7440301	Kỹ thuật Môi trường	7520320
4	Quốc tế học	7310601	Quan hệ quốc tế	7310206

Thời gian tuyển sinh: Năm 2021

Điều 2. Giao Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở ngành theo quy định.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO[1]

Tên chương trình: QUAN HỆ QUỐC TẾ
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: QUAN HỆ QUỐC TẾ (International Relations)
Mã ngành: 7310206
Loại hình đào tạo: Chính quy
Khóa: 2021 – 2025

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chương trình

PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn.

PO2: Tích lũy được những kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế; nắm vững kỹ năng và có hiểu biết thực tế liên quan đến để có thể đảm đương các công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế.

PO3: Hình thành các kỹ năng chung như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng học và tự học suốt đời, kỹ năng thích ứng xã hội, kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo.

PO4: Phát triển các kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp: có kỹ năng lập luận khoa học, tư duy hệ thống, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực ứng dụng và dẫn dắt chuyên môn trong xử lý những vấn đề quy mô địa phương, vùng miền.

PO5: Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật; thái độ tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, tổ quốc; ý thức phục vụ cộng đồng; đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp; chủ động hội nhập quốc tế.

2.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:

[1] Phụ lục I *(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Nội dung	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
Kiến thức	ELO 1	Nắm vững kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý, phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy biện luận – sáng tạo.
	ELO 2	Nắm vững kiến thức cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế; phương pháp nghiên cứu quốc tế; kiến thức cơ bản về khu vực; quan điểm và đường lối đối ngoại của Việt Nam; kiến thức về các nghiệp vụ quản trị và giao tiếp đối ngoại.
	ELO 3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn quốc tế cơ bản.
Khả năng giao tiếp và làm việc	ELO 4	Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; lập luận và giải quyết vấn đề; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
	ELO5	Thông thạo các kỹ năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các nhóm chuyên ngành và đa ngành; kỹ năng thích ứng trong học tập và làm việc; kỹ năng tổ chức và quản lý công việc; kỹ năng xây dựng hình ảnh và tác phong chuyên nghiệp; kỹ năng chủ động tiếp cận và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ phục vụ cho công việc.
	ELO6	Kỹ năng lập luận khoa học, tư duy hệ thống, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực được đào tạo;
Kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT	ELO 7	Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong việc đọc và xử lý các văn kiện và tài liệu chuyên môn; diễn đạt, xử lý bằng ngoại ngữ một số tình huống giao tiếp đối ngoại.
	ELO 8	Kỹ năng nghiệp vụ đối ngoại; kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy, hoặc thực hiện các công tác khác trong lĩnh vực quốc tế và quan hệ đối ngoại; khả năng ứng dụng và dẫn dắt chuyên môn trong xử lý những vấn đề quy mô địa phương, vùng miền.
Thái độ ý thức-hành vi	ELO 9	Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, phẩm chất chính trị đạo đức, tinh thần phục vụ cộng đồng; đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm bảo vệ chân lí, ủng hộ đổi mới tiến bộ.

	ELO 10	Thể hiện thái độ ham học hỏi, khát vọng, chủ động sáng tạo, có ý thức, tác phong chuyên nghiệp; học tập và rèn luyện suốt đời; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; ý thức hội nhập quốc tế.

1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Quan hệ quốc tế, sinh viên có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhóm 1: làm việc tại các cơ quan, đơn vị đối ngoại của Đảng và Nhà nước các cấp

- Nhóm 2: đảm nhận công việc ở các tập đoàn, công ty trong nước và nước ngoài; các văn phòng đại diện; các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong nước hoặc nước ngoài, đặc biệt là các công ty có quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế

- Nhóm 3: thực hiện công tác quản trị; điều hành tổng thể hoặc quản lí từng bộ phận của doanh nghiệp, dự án phát triển…; Thiết lập và xử lí các mối quan hệ bên trong và bên ngoài; Lập kế hoạch, kiểm soát và điều phối dự án với những quy mô khác nhau.

- Nhóm 4: làm nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, hoặc phục vụ trong các ngành liên quan đến các vấn đề quốc tế và quan hệ đối ngoại.

- Nhóm 5: làm việc tại các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, các toàn soạn báo, tạp chí, phụ trách các vấn đề liên quan đến công tác đối ngoại.

1.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học: Thực hiện theo quy định chuẩn đầu ra hiện hành.

1.5. Bằng cấp: Cấp bằng cử nhân đại học chính quy.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ).

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng đơn vị học trình hoặc tín chỉ): 120 tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Đào tạo thời gian 4 năm theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1157/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 08/08/2015.

- Để được cấp bằng tốt nghiệp sinh viên phải hoàn tất tất cả các học phần, không nợ học phần nào và đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định hiện hành.

6. Thang điểm

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Quyết định số 1157/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 08/08/2015.

7. Nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương (Tín chỉ)	**Kiến thức giáo dục chuyên ngành**			
				98			
				Kiến thức cơ sở ngành (Tín chỉ)	Kiến thức chuyên ngành (Tín chỉ)	Thực tập, thực tế (Tín chỉ)	Báo cáo tốt nghiệp (Tín chỉ)
Đại học	8 học kỳ	120	22	40	42	11	5

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 22 TC (Bắt buộc: 22TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Số tiết**		**Loại HP**		**Điều Kiện**		**Học kỳ *(dự kiến)***
				Lý thuyết	**Thực hành Thí nghiệm**	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Học trước**	**Song hành**	
1		Triết học Mác - Lênin	3	3	0	X				
2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	X				
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	X				
4		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	X				
5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	X				
6		Tư duy biện luận - sáng tạo	2	2	0	X				

7		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	0	3	X				
8		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	0	2	X				
9		Pháp luật đại cương	2	2	0	X				
10		Những vấn đề kinh tế-xã hội Đông Nam Bộ	2	2	0	X				
Tổng cộng			**22**	**17**	**5**					

7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 40 TC (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Số tiết**		**Loại HP**		**Điều Kiện**		**Học kỳ *(dự kiến)***
				Lý thuyết	**Thực hành Thí nghiệm**	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Học trước**	**Song hành**	
1		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	X				
2		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	X				
3		Nhập môn ngành KHXH&NV	2	0	2	X				
4		Chính trị học đại cương	2	2	0	X				
5		Kinh tế học đại cương	2	2	0	X				
6		Đại cương Lịch sử thế giới	3	2	1	X				
7		Tiến trình Lịch sử Việt Nam	3	2	1	X				
8		Nhập môn quan hệ quốc tế	2	2	0	X				
9		Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2	0	X				

10		Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	2	2	0	X				
11		Luật quốc tế	2	2	0	X				
12		Quá trình toàn cầu hoá	2	2	0	X				
13		Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	0	X				
14		Khu vực học	2	2	0	X				
15		Chính sách đối ngoại Việt Nam	2	2	0	X				
16		Hội nhập kinh tế quốc tế	2	0	0	X				
17		Listening and Speaking Strategies	2	2	0	X				
18		Practicing for Listening and Speaking Strategies	1	0	1	X				
19		Reading and Writing Strategies	2	2	0	X				
20		Practicing for Reading and Writing Strategies	1	0	1	X				
Tổng cộng			**40**	**34**	**6**					

7.3 Kiến thức chuyên ngành: 42 TC (Bắt buộc: 30 TC; Tự chọn: 12 TC)

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Số tiết**		**Loại HP**		**Điều Kiện**		***Học kỳ (dự kiến)***
				Lý thuyết	**Thực hành Thí nghiệm**	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Học trước**	**Song hành**	

1		Nghiệp vụ ngoại thương	2	2	0	X				
2		Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	0	2	X				
3		Đàm phán quốc tế	2	2	0	X				
4		Địa chính trị	2	2	0	X				
5		Chiến lược các cường quốc ở châu Á - Thái Bình Dương	2	2	0	X				
6		Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương từ 1945-nay	2	2	0	X				
7		Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á	2	2	0	X				
8		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	2	2	0	X				
9		Mô phỏng hội nghị quốc tế (môn ngoại khóa)	2	0	2	X				
10		Thể chế chính trị thế	2	2	0	X				

		giới đương đại								
11		Các tổ chức và diễn đàn quốc tế	2	2	0	X				
12		Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	2	0	X				
13		Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	2	0	X				
14		Tiếng Anh chuyên ngành 3	2	2	0	X				
15		Tiêng Anh thương mại	2	2	0	X				
16		Biên – phiên dịch chuyên ngành	2	2	0	X				
Tổng cộng			**32**	**28**	**4**					

Tự chọn chuyên ngành: Sinh viên chọn 6 học phần (12 tín chỉ)

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Số tiết**		**Loại HP**		**Điều Kiện**		***Học kỳ (dự kiến)***
				Lý thuyết	**Thực hành Thí nghiệm**	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Học trước**	**Song hành**	
1		Quan hệ Việt – Mỹ	2	2	0		X			

2		Quan hệ Việt – Trung từ 1950 - nay	2	2	0		X			
3		Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ	2	2	0		X			
4		Quan hệ Việt Nam - Singapore	2	2	0		X			
5		Quản lý dự án phát triển	2	0	2		X			
6		Thực hành Nghiệp vụ ngoại thương	2	0	2		X			
7		Marketing căn bản	2	2	0		X			
8		Marketing quốc tế	2	2	0		X			
9		PR - Quan hệ công chúng	2	2	0		X			
10		Nghiệp vụ văn phòng	2	0	2		X			
11		Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng	2	2	0		X			
12		Các nước công nghiệp mới Đông Á	2	2	0		X			
Tổng cộng			**24**	6	**4**					
7.4: Báo cáo tốt nghiệp: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0 TC)										
		Tên học phần	**Số tín chỉ**	**Số tiết**		**Loại HP**	**Điều Kiện**	**Học kỳ (dự kiến)**		

STT	Mã học phần			Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	5	X				
Tổng cộng			**5**	**0**	**5**					

7.5: Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp: 11 TC (Bắt buộc: 11 TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ *(dự kiến)*
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Thực tập 1	2	0	2	X				
2		Thực tập 2	5	0	5	X				
3		Thực tế chuyên môn 1	2	0	2	X				
4		Thực tế chuyên môn 2	2	0	2	X				
Tổng cộng			**11**	**0**	**11**					

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ I							
STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		Tư duy biện luận sáng tạo	2	2	0		BB
2		Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	0	1		BB

3		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1		BB
4		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		BB
5		Nhập môn ngành KHXHNV	2	2	0		BB
6		Đại cương Lịch sử thế giới	3	2	1		BB
7		Tiến trình Lịch sử Việt Nam	3	2	1		
	Tổng cộng		**15**	**11**	**4**		

Học kỳ II

STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		BB
2		Triết học Mác - Lênin	3	3	0		BB
3		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	0	2		BB
4		Pháp luật đại cương	2	2	0		BB
5		Chính trị học đại cương	2	2	0		BB
6		Kinh tế học đại cương	2	2	0		BB
7		Nhập môn quan hệ quốc tế	2	2	0		BB
	Tổng cộng		**15**	**13**	**2**		

Học kỳ III

STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		

1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		BB
2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		BB
3		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0		BB
4		Những vấn đề kinh tế-xã hội Đông Nam Bộ	2	2	0		BB
5		Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2	0		BB
6		Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	2	2	0		BB
7		Listening and Speaking Strategies	2	2	0		BB
8		Practicing for Listening and Speaking Strategies	1	0	1		BB
9		Thực tập 1	2	2	0		BB
	Tổng cộng		**17**	**16**	**1**		
Học kỳ IV							
STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		Hội nhập kinh tế quốc tế	2	2	0		BB
2		Quá trình toàn cầu hoá	2	2	0		BB
3		Luật quốc tế	2	2	0		BB
4		Reading and Writing Strategies	2	2	0		BB
5		Practicing for Reading and Writing Strategies	1	0	1		BB

6		Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	2	0		BB
7		Thực tập 2	5	0	5		BB
	Tổng cộng		**16**	**10**	**6**		
Học kỳ V							
STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	0		BB
2		Khu vực học	2	2	0		BB
3		Chính sách đối ngoại Việt Nam	2	2	0		BB
4		Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	0	2		BB
5		Địa chính trị	2	2	0		BB
6		Chiến lược các cường quốc ở châu Á - Thái Bình Dương	2	2	0		BB
7		Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương từ 1945-nay	2	2	0		BB
8		Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	2	0		BB
	Tổng cộng		**16**	**14**	**2**		

Học kỳ VI							
STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		Nghiệp vụ ngoại thương	2	2	0		BB
2		Đàm phán quốc tế	2	2	0		BB
3		Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á	2	2	0		BB
4		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	2	2	0		BB
5		Mô phỏng hội nghị quốc tế (môn ngoại khóa)	2	0	2		BB
6		Tiếng Anh chuyên ngành 3	2	2	0		BB
7		Tiếng Anh thương mại	2	2	0		BB
8		Thực tế chuyên môn 1	2	0	2		BB
	Tổng cộng		**16**	**12**	**4**		
Học kỳ VII							
STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		Thể chế chính trị thế giới đương đại	2	2	0		BB
2		Các tổ chức và diễn đàn quốc tế	2	2	0		BB
3		Biên – phiên dịch chuyên ngành	2	2	0		BB
4		Quan hệ Việt – Mỹ	2	2	0		TC

5		Quan hệ Việt – Trung từ 1950 - nay	2	2	0		TC
6		Marketing quốc tế	2	2	0		TC
7		Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng	2	2	0		TC
8		Các nước công nghiệp mới Đông Á	2	2	0		TC
	Tổng cộng		**16**	**16**	**0**		
Học kỳ VIII							
STT	**Mã HP**	**TÊN HỌC PHẦN**	**SỐ TÍN CHỈ**	**SỐ TIẾT**		**Mã HP học trước/tiên quyết**	**Bắt buộc/Tự chọn**
				LT	**TH**		
1		PR - Quan hệ công chúng	2	2	0		TC
2		Thực tế chuyên môn 2	2	0	2		BB
3		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	5		BB
	Tổng cộng		**9**	**2**	**7**		

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS Ngô Hồng Điệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnhphúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ , THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ơn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1. Ngành Quan hệ Quốc tế						
1	Nguyễn Ngọc Dung, 1961, Giảng viên	Phó Giáo sư, tiến sĩ, năm phong 2011, Việt Nam, 2000.	Lịch sử Thế giới	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
2	Phạm Ngọc Trâm, 1964	Phó Giáo sư, tiến sĩ, năm phong 2016, Việt Nam, 2009.	Lịch sử Việt Nam	2019, ĐH Thủ Dầu Một		
3	Ngô Hồng Điệp, 1975, Phó Hiệu Trưởng	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Sử học – Lịch sử thế giới - Quan hệ quốc tế	2009, ĐH Thủ Dầu Một		
4	Nguyễn Hoàng Huế, 1985, giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế	2015, ĐH Thủ Dầu Một		

5	Nguyễn Phương Lan, 1971, giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Lịch sử Thế giới cổ - trung đại	2010, ĐH Thủ Dầu Một		
6	Lê Thị Bích Ngọc, 1987, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử Thế giới	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
7	Bùi Đức Anh, 1977, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Thạc sĩ, NCS, Trung Quốc, 2007	- Đông Phương học - Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế	2010, ĐH Thủ Dầu Một		
8	Phan Duy Anh, 1990, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2015	- ThS. Chính trị học - NCS. Chính trị quốc tế	2015, ĐH Thủ Dầu Một		
9	Nguyễn Hữu Hào, 1981, Phó Trưởng Bộ môn Chính trị học	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010	- ThS. Lịch Sử Đảng CSVN - NCS. Chính trị học	2011, ĐH Thủ Dầu Một		
10	Huỳnh Tâm Sáng, 1990, giảng viên	NCS, VN, 2014	- CN. Quan hệ quốc tế - NCS. Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế	2015, ĐH Thủ Dầu Một		
11	Vũ Đăng Khoa, 1974, giảng viên	Thạc sĩ, Úc, 2012	Luật Hành chính và Hải quan Quốc tế	2012, ĐH Thủ Dầu Một		

12	Lê Thị Hồng Liễu, 1989, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- CN. Luật quốc tế - ThS. Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
13	Võ Kim Hà, 1961, giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Ngôn ngữ học so sánh	2014, ĐH Thủ Dầu Một		
14	Trần Ngọc Minh, 1985, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	TESOL	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
15	Trần Ngọc Mai, 1985, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2011	TESOL	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
16	Lầu Mộng Thu, 1986, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	TESOL	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
17	Hồ Trung Hậu, 1986, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	Giảng dạy tiếng Anh	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
18	Nguyễn Thanh Vân, 1979, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	- Ngôn ngữ học	2016, ĐH Thủ Dầu Một		
19	Bùi Thị Kim Loan, 1982, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2011	- TESOL - Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	2017, ĐH Thủ Dầu Một		
20	Vương Quốc Khanh, 1983, giảng viên	Thạc sĩ, VN, 2009	- ThS: Lịch sử thế giới	2009, ĐH Thủ Dầu Một		
21	Ngô Minh Sang, 1983, giảng viên,	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2007	Lịch sử Việt Nam	2010, ĐH Thủ Dầu Một		

22	Đinh Thị Yến, 1982, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Dân tộc học	2011, ĐH Thủ Dầu Một		
23	Nguyễn Văn Thắng, 1977, giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam,	Lịch sử Việt Nam	2015, ĐH Thủ Dầu Một		
24	Lê Tuấn Anh, 1984, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010	- ThS: Lịch sử Đảng CSVN - NCS: Lịch sử Việt Nam	2010, ĐH Thủ Dầu Một		
25	Nguyễn Thị Mai	Thạc sĩ, Lịch sử Thế Giới, 2008	Thạc sĩ, Lịch sử Thế Giới	2007, ĐH Thủ Dầu Một		
26	Nguyễn Thị Hồng Trang, 1987, Phó trưởng Bộ môn Luật HC	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật hiến pháp và luật hành chính	2013, ĐH Thủ Dầu Một		
27	Lý Văn Ngoan, 1979, Giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2009	- Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế	2010, ĐH Thủ Dầu Một		
28	Trần Thị Thủy, 1981, Trưởng Bộ môn	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Triết học	2003, ĐH Thủ Dầu Một		
29	Trần Trung chung, 1983, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Hồ Chí Minh học	2011, ĐH Thủ Dầu Một		
30	Nguyễn Hà Trang, 1988	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2013	- Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế - NCS. Quốc tế học – chuyên ngành	2014, ĐH Thủ Dầu Một		

			Quan hệ quốc tế			
31	Đinh Thị Thu Phượng, 1989, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Ngôn ngữ học	2014, ĐH Thủ Dầu Một		

1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
1	Nguyễn Thế Bảo Năm sinh: 1985	Thạc sĩ, 2018	Phòng thực hành máy tính	Các học phần cơ sở ngành.
2	Võ Văn Lên Năm sinh:1987	Thạc sĩ, 2019	Phòng thực hành máy tính	Các học phần liên quan đến xây dựng và phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
3	Ngô Thị Ngọc Dịu Năm sinh: 1980	Thạc sĩ, 2018	Phòng thực hành máy tính	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
4	Ngô Hồng Minh Năm sinh: 1983	Thạc sĩ, 2011	Phòng thực hành máy tính	Các học phần chuyên sâu
5	Đặng Phạm Hữu Thảo Năm sinh: 1984	Thạc sĩ, 2011	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học	Số lượng		Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy

	(Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)		**Diện tích (m2)**	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Phục vụ học phần**
1	Phòng học từ 20 – 30 chỗ ngồi	23		Tivi 65 inch	1	
2	Phòng học từ 40 – 60 chỗ ngồi	91		Tivi 65 inch	1	
3	Phòng học từ 63 – 84 chỗ ngồi	42		Tivi 65 inch	1	
4	Phòng học từ 90-160 chỗ ngồi	16		Tivi 65 inch	1	
5	Hội trường 1 sức chứa 250 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
6	Hội trường 2 sức chứa 660 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
7	Phòng máy tính	09		Bộ máy vi tính để bàn	500	
8	Phòng thí nghiệm dữ liệu lớn	01				

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hànhvà trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	**Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành**	**Diện tích (m2)**	**Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành**		
			Tên thiết bị	**Số lượng**	**Phục vụ môn học /học phần**
1	Phòng thực hành máy tính 1	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
2	Phòng thực hành máy tính 2	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên sâu
			Máy chiếu	1	
3	Phòng thực hành máy tính 3	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	

4	Phòng thực hành máy tính 4	100	Máy tính	50	Các học phần chuyên ngành: phân tích và xử lý dữ liệu, máy học, trí tuệ nhân tạo
			Máy chiếu	1	
5	Phòng thực hành máy tính 5	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: Phá triển phần mềm kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
6	Phòng thực hành máy tính 6	100	Máy tính	60	Các học phần chuyên ngành: phát triển phần mềm, kiểm thử phần mềm
			Máy chiếu	1	
7	Phòng thực hành máy tính 7	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
8	Phòng thực hành máy tính 8	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
9	Phòng thực hành máy tính 9	100	Máy tính	60	Các học phần cơ sở ngành.
			Máy chiếu	1	
10	Phòng thí nghiệm thành phố thông minh	100	Bộ máy vi tính để bàn	11	Các học phần thực hành IoT, viễn thông, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đồ án, báo cáo tốt nghiệp.
			Máy in 3D	1	
			Hệ thống thực tập mạng máy tính Cisco	1	
			Hệ thống truyền thông băng rộng	1	
11	Phòng máy tính hiệu năng cao	50	Máy tính hiệu năng cao	1	Các học phần Đồ án, báo cáo tốt nghiệp

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m^2; Diện tích phòng đọc: 1.410 m^2

- Số chỗ ngồi: 486; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40

- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 do công ty Tinh Vân cung cấp

- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;

- Số lượng sách, giáo trình: 7596 đầu sách, 90.694 bản sách.

- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Ngoài ra, Thư viện còn có 3.110 file bài trích toàn văn báo - tạp chí các lĩnh vực và mua quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu trong ngoài nước: Proquest central, Credo Reference, SpringerLink, Tài liệu KH&CN VN, Báo cáo kết quả NCKH đề tài các cấp, Tailieu.vn

- Lượng truy cập trung bình 429 lượt/ngày.

- Liên thông trao đổi: Thư viện có 1.272 ebook nằm trên trang Tailieu.vn (http://elib.tdmu.edu.vn/) có trao đổi với hơn 50 trường ĐH, CĐ cùng mua CSDL của Tailieu.vn.

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn	Nguyễn Viết Thông	NXB. Chính trị quốc gia	2011	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác–Lênin		
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh		
…	Giáo trình Đường lối CM của ĐCSVN	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	NXB. Chính trị quốc gia	2012	3	Đường lối CM của ĐCSVN		

	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (CB)	NXB. Giáo dục	2014	9	Lịch sử văn minh thế giới		
	Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB. Giáo dục	2010	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam		
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế		
	Giáo trình Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	5	Logic học đại cương		
	Xã hội học	Huỳnh Công Bá	NXB Thuận Hóa	2012	5	Xã hội học đại cương		
	Tâm lí học đại cương	Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yến, Ngô Thị Kim Dung và những người khác	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	2	Tâm lí học đại cương		
	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị	NXB. Đại học Quốc	2012	10	Tiếng Việt thực hành		

		Ngọc Lang	gia TPHCM					
	Giáo trình Quản trị học	Phạm Thế Trị	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2016		Quản trị học đại cương		
	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng	NXB. Giáo dục	2009	10	Nhân học đại cương		
	Giáo trình ứng dụng tin học	Nguyễn Việt Dũng		2008		Tin học đại cương		
	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1,	Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh		
	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2	Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	11	Giáo dục quốc phòng - an ninh		
	Hỏi đáp những vấn đề cơ bản của chính trị học	Lưu Văn An, Dương Xuân Ngọc	NXB. Chính trị Hành chính	2012	20	Chính trị học đại cương		
	Lịch sử thế giới cổ đại	Lương Ninh (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Lịch sử thế giới đại cương		

	Lịch sử thế giới Trung đại	Nguyễn Gia Phu	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	12	Lịch sử thế giới đại cương		
	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	12	Lịch sử thế giới đại cương		
	Lịch sử thế giới hiện đại : 1917-1995	Nguyễn Anh Thái (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	17	Lịch sử thế giới đại cương		
	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (CB)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Lịch sử Việt Nam đại cương		
	Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập: Từ thời nguyên thủy đến 2000	GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm, PGS. Lê Mậu Hãn (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	12	Lịch sử Việt Nam đại cương		
	Đại cương lịch sử Việt Nam. T.1, Từ thời nguyên thủy đến 1858	Trương Hữu Quýnh (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	3	Lịch sử Việt Nam đại cương		
	Đại cương lịch sử Việt Nam. T.2, 1858-1945	Đinh Xuân Lâm (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Lịch sử Việt Nam đại cương		

	Đại cương lịch sử Việt Nam. T.3, 1945-2006	Lê Mậu Hãn (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Lịch sử Việt Nam đại cương		
	Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia	Nguyễn Văn Dân	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	10	Địa chính trị		
	Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật (Dùng cho đào tạo đại học và sau đại học Luật)	PGS.TS. Nguyễn Văn Động	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Pháp luật đại cương		
	Chiến tranh và chống chiến tranh Sự sống còn của loài người ở buổi bình minh của thế kỷ XXI	Alvin và Heidi Toffler	NXB. Chính trị Quốc gia	1995	Bản điện tử	An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế		
	Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới	Vũ Dương Huân (chủ biên)	Lưu hành nội bộ	2002	1	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		
	Vai trò của Việt Nam trong ASEAN	Trung tâm Dữ kiện – Tư liệu TTXVN	NXB. Thông tấn	2007	Bản điện tử	Các tổ chức quốc tế ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam		
	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Phạm Quang Minh	NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội	2015	5	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương		

	Quan hệ giữa ba trung tâm tư bản (Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản) sau chiến tranh lạnh	Phạm Thành Dung	NXB. Lý luận Chính trị	2004	2	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh		
	Một số vấn đề về quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay	Vũ Quang Đản	NXB. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2008	1	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh		
	Cục diện thế giới đến 2020	Phạm Bình Minh	NXB. Chính trị Quốc gia	2010	2	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh		
	Quyền lực trong Quan hệ quốc tế: lịch sử và vấn đề	Hoàng Khắc Nam	NXB Văn hóa thông tin	2011	5	Nhập môn Quan hệ quốc tế		
	Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử	Hoàng Khắc Nam	NXB. Chính trị Quốc gia	2014	5	Lịch sử quan hệ quốc tế		
	Lịch sử Quan hệ quốc tế: Từ đầu thời cận đại đến kết thúc thế chiến thứ hai	Vũ Dương Ninh	NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội	2012	5	Lịch sử quan hệ quốc tế		
	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Bogaturov Aleksey Demosfenovich, Averkov Viktor Viktorovich;	NXB. Chính trị quốc gia	2015	5	Lịch sử quan hệ quốc tế		

		Đặng Quang Chung (dịch)						
	Lịch sử quan hệ quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc Á - Phi - Mỹ La tinh (từ năm 1918 đến năm 1995) : Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm	Nguyễn Anh Thái	NXB. Giáo dục	1998	2	Lịch sử quan hệ quốc tế		
	Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975 - 2002)	Vũ Dương Huân	NXB. Giáo dục	2002	1	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		
	Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000	Nguyễn Đình Bin	NXB. Chính trị quốc gia	2005	5	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		
	Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris	Nguyễn Khắc Huỳnh	Nxb. Chính trị quốc gia	2012	5	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		
	Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm	Nguyễn Khắc Huỳnh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		
	Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tư liệu của chính quyền Sài Gòn (2 tập)	Cục văn thư và lưu trữ Nhà nước – Trung tâm lưu trữ quốc	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2012	5	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		

		gia II (2012)						
	Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)	Vũ Dương Ninh	NXB. Chính trị quốc gia	2014	5	Lịch sử ngoại giao Việt Nam		
	Hợp tác ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế	Trần Nam Tiến	NXB. Văn hóa – Văn nghệ	2014	3	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Yêu sách "đường lưỡi bò" phi lý của Trung Quốc và chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông	Nguyễn Bá Diến	NXB. Thông tin và Truyền thông	2015	2	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông	Trần Duy Hải	NXB. Tri Thức	2013	5	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 và tham vọng của Trung Quốc độc chiếm Biển Đông	Trần Ngọc Vương (ch.b.)	NXB. Thông tin và Truyền thông	2015	3	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Biển Đông - Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải	G.M. Lokshin; E.V. Kobelev (ch.b.); Văn Thắng, Quang Anh (dịch)	NXB. Chính trị quốc gia	2016	3	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc	Nguyễn Tuấn	NXB. Đại học	2015	3	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		

	nhìn quan hệ quốc tế	Khanh (ch.b.)	Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh					
	Chủ quyền Việt Nam trên biển Đông và Hoàng Sa - Trường Sa	Nguyễn Đình Đầu	NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	2	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Về vấn đề biển Đông	Nguyễn Ngọc Trường	NXB. Chính trị quốc gia	2014	3	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Những yêu sách đối kháng của Việt Nam và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong biển Đông	Brice M. Claget ; Nguyễn Quang Vinh, Cao Xuân Thự (dịch)	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Địa lý tự nhiên biển Đông	Nguyễn Văn Âu	NXB. Đại học quốc gia Hà Nội	2008	5	Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột		
	Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay : Sách chuyên khảo	Phạm Thanh Hà	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2011	3	Toàn cầu hóa		

	Chủ quyền quốc gia dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa và vấn đề đặt ra với Việt Nam	Phạm Văn Rân, Nguyễn Hoàng Giáp	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2010	2	Toàn cầu hóa		
	Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21	Thomas Friedman, (Nguyễn Quang A – dịch	NXB. Trẻ	2014	3	Toàn cầu hóa		
	Giáo trình tôn giáo học	Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn	NXB. Đại học Sư phạm	2014	5	Một số vấn đề tôn giáo đương đại		
	10 tôn giáo lớn trên thế giới	Hoàng Tâm Xuyên (cb)	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2012	4	Một số vấn đề tôn giáo đương đại		
	Giáo trình kinh tế quốc tế : Chương trình cơ sở	Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (ch.b)	NXB. Đại học Kinh tế quốc dân	2012	10	Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương		
	Giáo trình kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chỉnh (c.b)	NXB. Thống kê	2010	20	Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương		
	Ngoại giao và công tác ngoại giao	Vũ Dương Huân	NXB. Chính trị quốc gia	2012	5	Nghiệp vụ ngoại giao		

	Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại	Lưu Thúy Hồng	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2015	3	Nghiệp vụ ngoại giao		
	Giáo trình nhập môn khu vực học và Việt Nam học	Trần Lê Bảo	NXB. Đại học sư phạm	2013	5	Khu vực học đại cương		
	Việt Nam trong thế giới Đông Á: Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học	Nguyễn Văn Kim	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2011	15	Khu vực học đại cương		
	Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN: Tầm nhìn tới năm 2025	Luận Thùy Dương	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2017	2	Các tổ chức quốc tế		
	Hỏi đáp về cộng đồng kinh tế ASEAN	Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu (ch.b.)	NXB. Thông tin và Truyền thông	2016	2	Các tổ chức quốc tế		
	Định vị kinh tế Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)		NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2016	2	ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam		

	Lịch sử văn hóa Đông Nam Á	Phạm Đức Dương	NXB. Văn hóa - Thông tin	2013	8	ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam		
	Văn hóa Đông Nam Á	Đỗ Tiến Sâm, Phạm Duy Đức (ch.b)	NXB. Chính trị quốc gia	2010	3	ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam		
	Văn hóa Đông Nam Á	Nguyễn Tấn Đắc	NXB. Khoa học - Xã hội	2010	5	ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam		
	Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Phạm Quang Minh	NXB. Đại học quốc gia Hà Nội	2015	5	Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương		
	Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020	Phạm Bình Minh (ch.b.)	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Chính sách đối ngoại Việt Nam		
	Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới	Phạm Bình Minh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Chính sách đối ngoại Việt Nam		
	Hỏi và đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta	Học viện ngoại giao	NXB. Chính trị quốc gia	2012	5	Chính sách đối ngoại Việt Nam		
	Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) : Về nhiệm vụ an ninh - quốc phòng và	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB. Chính trị quốc gia	2005	4	Chính sách đối ngoại Việt Nam		

	chính sách đối ngoại							
	Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị	Phạm Hồng Tung	NXB. Chính trị quốc gia	2010	1	Văn hóa chính trị		
	Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ	Ngô Xuân Bình	NXB. Khoa học Xã hội	2014	2	Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam		
	Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ : thực trạng và triển vọng	Trần Nam Tiến	NXB. Thông tin và truyền thông	2010	3	Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam		
	Quan hệ Hoa Kỳ - Asean 2001-2020	Nguyễn Thiết Sơn	NXB. Từ điển Bách khoa	2012	3	Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam		
	Quản trị quan hệ công chúng	Lưu Văn Nghiêm	NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân	2011	10	Quan hệ công chúng		
	PR lý luận & ứng dụng : Chiến lược PR chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ	Đinh Thị Thúy Hằng (ch.b.)	NXB. Lao động	2015	3	Quan hệ công chúng		
	PR - Từ chưa biết đến chuyên gia	Hoàng Xuân Phương	NXB. Lao động	2015	3	Quan hệ công chúng		
	Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 1)	Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn	NXB. Hồng Đức	2013	10	Luật quốc tế		

		Thị Yên (ch.b)						
	Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 2)	Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long	NXB. Hồng Đức	2013	10	Luật quốc tế		
	Giáo trình tư pháp quốc tế	Bành Quốc Tuấn	NXB. Chính trị quốc gia	2017	4	Luật quốc tế		
	Giáo trình Tư pháp quốc tế	Nguyễn Bá Diến (ch.b)	NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	5	Luật quốc tế		
	Tư pháp quốc tế	Lê Thị Nam Giang	NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	5	Luật quốc tế		
	Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội thế giới	Bùi Thị Hải Yến	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	5	Địa lý thế giới		
	Địa lí các châu lục. T.1, Những vấn đề địa lí toàn cầu, châu Phi, châu Âu và châu Mĩ	Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh, Nguyễn Đình Giang	NXB. Đại học sư phạm	2007	49	Địa lý thế giới		

	Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới	Hoàng Phong Hà	NXB. Chính trị quốc gia	2013	3	Địa lý thế giới		
	The art of public speaking	Stephen E. Lucas	Boston : McGraw Hill	2001	5	Public Speaking		
	Academic writing : a handbook for international students	Stephen Bailey	New York : Routledge	2011	1	Academic English		
	Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh	Nguyễn Quốc Hùng	NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh	2012	4	Interpreting		

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không gđúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Nghiên cứu quốc tế	Bộ ngoại giao - Học viện ngoại giao	ISSN :1859-0608	1			
2	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu châu Âu	ISSN :0868-3581	1			
3	Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam -	ISSN :0868-2739	1			

		Viện Nghiên cứu Đông Nam Á					
4	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu trung Quốc	ISSN :0868-3670	1			
5	Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện kinh tế và chính trị thế giới	ISSN :0868-2984	1			
6	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện sử họ	ISSN :0866-7497				
7	Tạp chí Lịch sử quân sự	Bộ quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam	ISSN :086-7683				
8	Tạp chí Lịch sử Đảng	Viện Lịch sử Đảng - Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	ISSN :0936-8477				

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

Bình Dương, ngày tháng năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Điệp

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **Quan hệ quốc tế**; Mã số: 7310206

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Qua hơn 10 năm hoạt động, Trường đã định hình là trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực phát triển theo định hướng ứng dụng, phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý "Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo", trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương. Bộ máy Trường gồm Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 08 khoa, 15 phòng, ban chức năng và 11 trung tâm, 02 viện nghiên cứu. Tháng 11 năm 2017, trường Đại học Thủ Dầu Một đã hoàn thành công tác kiểm định và nhận giấy chứng nhận đat chuẩn chất lượng quốc gia. Nhà trường đã hoàn thành kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Bộ giáo dục và đào tạo (4 chương trình) và theo tiêu chuẩn AUN-QA (4 chương trình).

Về nhân sự, đến 2020, đội ngũ cán bộ khoa học của trường có 02 giáo sư, 18 phó giáo sư, 120 tiến sĩ, 480 thạc sĩ, 112 cán bộ - giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Về đào tạo, quy mô của Trường là 15.000 sinh viên chính quy và 1.000 học viên cao học đang học tập và nghiên cứu ở 31 chương trình đào tạo đại học, 9 chương trình đào tạo cao học và 1 chương trình đào tạo tiến sĩ, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Tỷ lệ có việc làm ngay khi ra trường là trên 80%, tỷ lệ có việc làm ở khối ngành kinh tế, sư phạm cao

hơn; tỷ lệ sinh viên khối ngành kỹ thuật, ngoại ngữ có việc làm bán thời gian phù hợp với chuyên ngành đào tạo từ khi chưa ra trường khá cao.

Về nghiên cứu khoa học, mục tiêu chiến lược là nghiên cứu về Đông Nam Bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đại học Thủ Dầu Một đang đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung nghiên cứu về công nghệ sinh học, nông nghiệp đô thị, chất lượng giáo dục, thành phố thông minh, trường học thông minh. Tỷ lệ giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là 70%. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tỷ lệ cao.

Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiếp lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 50 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, Trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo thỏa thuận hỗ trợ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak.

Trong chiến lược phát triển đến năm 2020, Đại học Thủ Dầu Một sẽ hoàn thiện hệ thống đào tạo gồm 47 ngành đại học, 22 ngành cao học, 09 ngành tiến sĩ với quy mô là 15.100 học viên – sinh viên (ĐH: 14.000, Sau ĐH: 1.100), trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm với các trường đại học có uy tín trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới. Đến năm 2025, tỷ lệ ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu là 40% tổng số ngành đào tạo, tiến tới đạt tỷ lệ 60%; ngành đào tạo sau đại học chiếm 60% trên tổng số ngành đại học.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường bao gồm: 08 khoa, 15 phòng, ban chức năng và 11 trung tâm, 02 viện nghiên cứu và hiện đang tọa lạc tại: số 06 Trần Văn Ơn, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường. Ngoài ra, cơ sở đang xây dựng của Trường: tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha được đầu tư xây dựng hiện đại, tích hợp nhiều công năng phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường trong tương lai.

2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

2.1 Xu hướng phát triển của quốc gia và địa phương

Trong bối cảnh Việt Nam đang từng bước thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực và quốc tế một cách chủ động, mạnh mẽ; Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách "Trải chiếu hoa mời gọi đầu tư", Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với

yếu tố nước ngoài không chỉ ở Bình Dương mà rộng hơn còn cho cả khu vực Đông Nam Bộ, nhưng hiện nay, mức độ đào tạo có tính hệ thống, chuyên nghiệp cung cấp nhân lực đảm bảo yêu cầu này chưa được thực hiện đúng mức.

Dự kiến nhu cầu nhân lực cho ngành đào tạo riêng địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020 cần trên 700 người, , trong đó: quản lý nhà nước khoảng 160 người (các sở ngành cấp tỉnh: 30 người, 10 quận - huyện: 30 người, 100 phường – xã: 100 người); khối sư phạm 300 người và khối doanh nghiệp khoảng 240 người; riêng với ngành Quan hệ quốc tế, kết quả khảo sát bước đầu riêng ở một số đơn vị sử dụng lao động tại tỉnh Bình Dương cho thấy nhu cầu khá lớn. Chính vì vậy, việc phát triển đào tạo ngành cử nhân Quan hệ quốc tế tại Trường ĐH Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của tỉnh và vùng về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn.

2.2 Lý do đăng ký mở ngành Quan hệ quốc tế

Quan hệ quốc tế là ngành học đã được giảng dạy ở nhiều trường đại học trên thế giới và Việt Nam; đây là một trong những ngành học truyền thống và rất cơ bản ở các Viện, Trường đại học lớn trên thế giới. Đây là ngành học mang tính liên ngành, nhưng vẫn có những đặc thù riêng về đối tượng, phương pháp nghiên cứu.

Quá trình toàn cầu hóa đã khiến cho đời sống quốc tế ngày càng diễn ra hết sức sôi động với quy mô rộng lớn trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa…; và không một quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập trong bối cảnh phát triển đó. Việc nghiên cứu các vấn đề quốc tế đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc nghiên cứu những vấn đề quốc tế sẽ phục vụ đắc lực cho việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của một quốc gia, đồng thời cũng nhằm triển khai có kết quả đường lối đó trong quá trình thực hiện đường lối quốc tế. Nghiên cứu quốc tế nói chung giúp các nước có những bài học kinh nghiệm từ bên ngoài về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội để bảo vệ quốc gia, từ đó chọn lựa vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình. Thực tiễn cho thấy Quan hệ quốc tế là một ngành học quan trọng, độc lập, có ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách "Trải chiếu hoa mời gọi đầu tư", Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Hiện nay, Bình Dương có 30 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung, hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh ở các lĩnh vực khác nhau. Bình Dương có 32.000 doanh nghiệp trong nước và 3.300 công ty nước ngoài. Từ năm 2010, Bình Dương luôn thuộc nhóm có mức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cao nhất cả nước. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực có chuyên môn, hiểu biết là rất cần thiết để đáp ứng nhu

cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương nói riêng và khu vực Đông Nam Bộ nói chung; đặc biệt là phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với yếu tố nước ngoài. Để giải quyết những yêu cầu trên, một trong nhiệm vụ quan trọng là thực hiện chương trình đào tạo ***Cử nhân Quan hệ quốc tế*** trình độ đại học để tăng cường về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới.

Đại học Thủ Dầu Một xác định sứ mệnh là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực; trên cơ sở đó đang thực hiện công tác đào tạo với đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực và việc thực hiện đào tạo ***Cử nhân Quan hệ quốc tế*** trong bối cảnh hiện nay là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường cũng như đáp ứng các yêu cầu thực tế của xã hội.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

A - Năng lực cơ sở đào tạo.

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

Bảng 1.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Ngô Hồng Điệp, 1975, Phó Hiệu Trưởng	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Sử học – Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
2	Nguyễn Ngọc Dung, 1961, Giám đốc CTĐT Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam	PGS, Việt Nam, 2011	Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
3	Nguyễn Hoàng Huế, 1985, giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học

4	Nguyễn Phương Lan, 1971, giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Lịch sử Thế giới cổ - trung đại	Theo lý lịch khoa học
5	Lê Thị Bích Ngọc, 1987, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
6	Nguyễn Thị Mai, 1982, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
7	Nguyễn Hà Trang, 1988, giảng viên	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2013	Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
8	Vương Quốc Khanh, 1983, giảng viên	Thạc sĩ, 2009	Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
9	Bùi Đức Anh, 1977, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Thạc sĩ, NCS, Trung Quốc, 2007	- Đông Phương học - Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
10	Lý Văn Ngoan, 1979, Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2009	- Lịch sử thế giới	Theo lý lịch khoa học
11	Vũ Đăng Khoa, 1974, giảng viên	Thạc sĩ, Úc, 2012	Luật Hành chính và Hải quan Quốc tế	Theo lý lịch khoa học
12	Lê Thị Hồng Liễu, 1989, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- CN. Luật quốc tế - ThS. Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	Theo lý lịch khoa học

Bảng 1.1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Hồng Điệp, 1975, Phó Hiệu Trưởng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Sử học – Lịch sử thế giới	- Phương pháp nghiên cứu khoa học

					- Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương từ 1945-nay
2	Nguyễn Ngọc Dung, 1961, giảng viên	PGS, năm 2011			- Nhập môn ngành KHXH&NV - Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế - Đàm phán quốc tế - Mô phỏng hội nghị quốc tế (môn ngoại khóa)
3	Nguyễn Hoàng Huế, 1985, Phó Giám đốc CTĐT Quốc tế học		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử thế giới	- Nhập môn quan hệ quốc tế - Địa chính trị - Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á - Các nước công nghiệp mới Đông Á
4	Nguyễn Phương Lan, 1971, giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Lịch sử Thế giới cổ	- Lịch sử văn minh thế giới - Đại cương Lịch sử thế giới - Thể chế chính trị thế giới đương đại - Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ

5	Nguyễn Thị Mai, 1982, giảng viên		Thạc sĩ, 2008	Lịch sử thế giới	- Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á - Quan hệ Việt – Trung từ 1950 – nay - Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng
6	Lê Thị Bích Ngọc, 1987, giảng viên		Thạc sĩ, 2013		- Lịch sử quan hệ quốc tế - Quá trình toàn cầu hoá - PR - Quan hệ công chúng - Nghiệp vụ văn phòng
	Vương Quốc Khanh, 1983, giảng viên		Thạc sĩ, 2009	- Lịch sử thế giới	- Tư duy biện luận - sáng tạo - Hội nhập kinh tế quốc tế - Quan hệ Việt Nam - Singapore
7	Nguyễn Hà Trang, 1988, giảng viên		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2013	- Lịch sử thế giới	- Chính sách đối ngoại Việt Nam - Chiến lược các cường quốc ở châu Á - Thái Bình Dương - Quan hệ Việt – Mỹ

8	Bùi Đức Anh, 1977, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế		Thạc sĩ, NCS, Trung Quốc, 2007	- Đông Phương học - Lịch sử thế giới	- Nghiệp vụ ngoại thương - Thực hành Nghiệp vụ ngoại thương - Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao
9	Lý Văn Ngoan, 1979, Phó Trưởng phòng Đào tạo		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2009	- Lịch sử thế giới	- Khu vực học - Các tổ chức và diễn đàn quốc tế - Quản lý dự án phát triển
10	Nguyễn Hữu Hào, 1981		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010	- ThS. Lịch Sử Đảng CSVN - NCS. Chính trị học	Chính trị học đại cương
11	Vũ Đăng Khoa, 1974, giảng viên		Thạc sĩ, Úc, 2012	Luật Hành chính và Hải quan Quốc tế	Luật quốc tế
12	Lê Thị Hồng Liễu, 1989, giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- CN. Luật quốc tế - ThS. Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	Luật quốc tế
13	Võ Kim Hà, 1961, giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Ngôn ngữ học so sánh	- Listening and Speaking Strategies - Practicing for Listening and Speaking Strategies
16	Lầu Mộng Thu, 1986, giảng viên		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	TESOL	- Reading and Writing Strategies

					- Practicing for Reading and Writing Strategies
17	Hồ Trung Hậu, 1986, giảng viên		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	Giảng dạy tiếng Anh	- Tiếng Anh chuyên ngành 1 - Biên – phiên dịch chuyên ngành
18	Nguyễn Thanh Vân, 1979, giảng viên		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012	- Ngôn ngữ học	Tiếng Anh chuyên ngành 2
19	Bùi Thị Kim Loan, 1982, giảng viên		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2011	- TESOL - Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Tiếng Anh chuyên ngành 3 Tiêng Anh thương mại
20	Nguyễn Văn Thắng, 1977, giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam,	Lịch sử Việt Nam	- Những vấn đề kinh tế-xã hội Đông Nam Bộ - Tiến trình Lịch sử Việt Nam
	Đinh Thị Yến, 1982, giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Dân tộc học	Cơ sở văn hóa Việt Nam
	Nguyễn Thị Hoài Phương, 1977, Trưởng Bộ môn Địa lý		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2006	Địa lý học	- Kinh tế học đại cương - Quản trị kinh doanh quốc tế - Marketing căn bản - Marketing quốc tế

21	Lê Tuấn Anh, 1984, giảng viên		Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010	- ThS: Lịch sử Đảng CSVN - NCS: Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	Nguyễn Thị Hồng Trang, 1987, giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật hiến pháp và luật hành chính	Pháp luật đại cương
23	Đinh Thị Thu Phượng, 1989, giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Ngôn ngữ học	Thực hành văn bản Tiếng Việt
24	Trần Thị Thủy, 1981, Trưởng Bộ môn		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Triết học	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học
25	Trần Trung chung, 1983, giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

Bảng 1.2.1. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo

Số TT	**Họ và tên, năm sinh**	**Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp**	**Phụ trách PTN, thực hành**	**Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT**
1	Bùi Sỹ Vương, 1987	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng máy vi tính	Tin học căn bản
2	Nguyễn Đình Thọ, 1985	ThS. Công nghệ thông tin	Phòng máy vi tính	Tin học căn bản

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Bảng 2.1 – Danh sách phòng học, giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học *(Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)*	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học từ 20 – 30 chỗ ngồi	23		Tivi 65 inch	1	
2	Phòng học từ 40 – 60 chỗ ngồi	91		Tivi 65 inch	1	
3	Phòng học từ 63 – 84 chỗ ngồi	42		Tivi 65 inch	1	
4	Phòng học từ 90-160 chỗ ngồi	16		Tivi 65 inch	1	
5	Hội trường 1 sức chứa 250 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
6	Hội trường 2 sức chứa 660 chỗ ngồi	01		Màn hình 300 inch	1	
7	Phòng máy tính	09		Bộ máy vi tính để bàn	500	
8	Phòng thí nghiệm dữ liệu lớn	01				

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Bảng 2.2 – Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng thực hành máy tính 1	100	Máy tính	50	
			Máy chiếu	1	
2	Phòng thực hành máy tính 2	100	Máy tính	50	
			Máy chiếu	1	
3	Phòng thực hành máy tính 3	100	Máy tính	50	
			Máy chiếu	1	
4	Phòng thực hành máy tính 4	100	Máy tính	50	
			Máy chiếu	1	
5	Phòng thực hành máy tính 5	100	Máy tính	60	
			Máy chiếu	1	
6	Phòng thực hành máy tính 6	100	Máy tính	60	
			Máy chiếu	1	
7	Phòng thực hành máy tính 7	100	Máy tính	60	
			Máy chiếu	1	
8	Phòng thực hành máy tính 8	100	Máy tính	60	
			Máy chiếu	1	
9	Phòng thực hành máy tính 9	100	Máy tính	60	
			Máy chiếu	1	

3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m^2; Diện tích phòng đọc: 1.410 m^2

- Số chỗ ngồi: 486; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40

- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 do công ty Tinh Vân cung cấp

- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;

- Số lượng sách, giáo trình: 7596 đầu sách, 90.694 bản sách.

- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Ngoài ra, Thư viện còn có 3.110 file bài trích toàn văn báo - tạp chí các lĩnh vực và mua quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu trong ngoài nước: Proquest central, Credo Reference, SpringerLink, Tài liệu KH&CN VN, Báo cáo kết quả NCKH đề tài các cấp, Tailieu.vn

- Lượng truy cập trung bình 429 lượt/ngày.

- Liên thông trao đổi: Thư viện có 1.272 ebook nằm trên trang Tailieu.vn (http://elib.tdmu.edu.vn/) có trao đổi với hơn 50 trường ĐH, CĐ cùng mua CSDL của Tailieu.vn.

3.1. Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

Bảng 3.1 - Danh mục giáo trình của ngành đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn	Nguyễn Viết Thông	NXB. Chính trị quốc gia	2011	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác–Lênin	
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị mác - lênin	

	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2019		Tư tưởng hồ chí minh	
	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2013	30	Lịch sử đảng cộng sản việt nam	
	Tiềm năng kinh tế Đông Nam Bộ	Trần Hoàng Kim	Nhà xuất bản Thống kê	1995	1	Những vấn đề kinh tế - xã hội đông nam bộ	
	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu, Đinh Tiên Minh, Nguyễn Công Dũng, Đào Hoài Nam, Nguyễn Văn Trưng	NXB. Lao động	2016	10	Quản trị marketing	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Nghiên cứu khoa học	
	Tư duy biện luận ứng dụng	Dương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Xuân Đạt	Đại học Quốc Gia Tp.HCM	2015	10	Tư duy biện luận ứng dụng	

4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (CB)	NXB. Giáo dục	2014	9	Lịch sử văn minh thế giới	
5	Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB. Giáo dục	2010	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang	NXB. Đại học Quốc gia TPHCM	2012	10	Tiếng Việt thực hành	
12	Giáo trình ứng dụng tin học	Nguyễn Việt Dũng		2008		Tin học đại cương	
13	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1,	Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
14	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2	Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
15	Hỏi đáp những vấn đề cơ bản của chính trị học	Lưu Văn An, Dương Xuân Ngọc	NXB. Chính trị Hành chính	2012	20	Chính trị học đại cương	
16	Lịch sử thế giới cổ đại	Lương Ninh (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Lịch sử thế giới đại cương	
17	Lịch sử thế giới Trung đại	Nguyễn Gia Phu	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	12	Lịch sử thế giới đại cương	

18	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	12	Lịch sử thế giới đại cương	
19	Lịch sử thế giới hiện đại : 1917-1995	Nguyễn Anh Thái (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	17	Lịch sử thế giới đại cương	
20	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (CB)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Tiến trình lịch sử Việt Nam	
21	Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập: Từ thời nguyên thủy đến 2000	GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm, PGS. Lê Mậu Hãn (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	12	Tiến trình lịch sử Việt Nam	
22	Đại cương lịch sử Việt Nam. T.1, Từ thời nguyên thủy đến 1858	Trương Hữu Quýnh (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	3	Tiến trình lịch sử Việt Nam	
23	Đại cương lịch sử Việt Nam. T.2, 1858-1945	Đinh Xuân Lâm (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Tiến trình lịch sử Việt Nam	
24	Đại cương lịch sử Việt Nam. T.3, 1945-2006	Lê Mậu Hãn (ch.b.)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Tiến trình lịch sử Việt Nam	
25	Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia	Nguyễn Văn Dân	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	10	Địa chính trị	
26	Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật (Dùng cho đào tạo đại học và sau đại học Luật)	PGS.TS. Nguyễn Văn Động	NXB. Giáo dục Việt Nam	2010	5	Pháp luật đại cương	
27	Chiến tranh và chống chiến tranh Sự sống còn của loài người ở	Alvin và Heidi Toffler	NXB. Chính trị Quốc gia	1995	Bản điện tử	Các học phần chuyên ngành	

	buổi bình minh của thế kỷ XXI						
28	Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới	Vũ Dương Huân (chủ biên)	Lưu hành nội bộ	2002	1	Các học phần chuyên ngành	
29	Vai trò của Việt Nam trong ASEAN	Trung tâm Dữ kiện – Tư liệu TTXVN	NXB. Thông tấn	2007	Bản điện tử	Quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á	
30	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Phạm Quang Minh	NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội	2015	5	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	
31	Quan hệ giữa ba trung tâm tư bản (Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản) sau chiến tranh lạnh	Phạm Thành Dung	NXB. Lý luận Chính trị	2004	2	Các học phần chuyên ngành	
32	Một số vấn đề về quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay	Vũ Quang Đản	NXB. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2008	1	Các học phần chuyên ngành	
33	Cục diện thế giới đến 2020	Phạm Bình Minh	NXB. Chính trị Quốc gia	2010	2	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh	
34	Quyền lực trong Quan hệ quốc tế: lịch sử và vấn đề	Hoàng Khắc Nam	NXB Văn hóa thông tin	2011	5	Nhập môn Quan hệ quốc tế	
35	Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử	Hoàng Khắc Nam	NXB. Chính trị Quốc gia	2014	5	Lịch sử quan hệ quốc tế	

36	Lịch sử Quan hệ quốc tế: Từ đầu thời cận đại đến kết thúc thế chiến thứ hai	Vũ Dương Ninh	NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội	2012	5	Lịch sử quan hệ quốc tế	
37	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Bogaturov Aleksey Demosfenovich, Averkov Viktor Viktorovich ; Đặng Quang Chung (dịch)	NXB. Chính trị quốc gia	2015	5	Lịch sử quan hệ quốc tế	
38	Lịch sử quan hệ quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc Á - Phi - Mỹ La tinh (từ năm 1918 đến năm 1995) : Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm	Nguyễn Anh Thái	NXB. Giáo dục	1998	2	Lịch sử quan hệ quốc tế	
39	Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975 - 2002)	Vũ Dương Huân	NXB. Giáo dục	2002	1	Các học phần chuyên ngành	
40	Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000	Nguyễn Đình Bin	NXB. Chính trị quốc gia	2005	5	Các học phần chuyên ngành	
41	Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris	Nguyễn Khắc Huỳnh	Nxb. Chính trị quốc gia	2012	5	Các học phần chuyên ngành	
42	Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm	Nguyễn Khắc Huỳnh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Các học phần chuyên ngành	

43	Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tư liệu của chính quyền Sài Gòn (2 tập)	Cục văn thư và lưu trữ Nhà nước – Trung tâm lưu trữ quốc gia II (2012)	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2012	5	Các học phần chuyên ngành	
44	Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)	Vũ Dương Ninh	NXB. Chính trị quốc gia	2014	5	Các học phần chuyên ngành	
45	Hợp tác ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế	Trần Nam Tiến	NXB. Văn hóa – Văn nghệ	2014	3	Các học phần chuyên ngành	
46	Yêu sách "đường lưỡi bò" phi lý của Trung Quốc và chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông	Nguyễn Bá Diến	NXB. Thông tin và Truyền thông	2015	2	Các học phần chuyên ngành	
47	Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông	Trần Duy Hải	NXB. Tri Thức	2013	5	Các học phần chuyên ngành	
48	Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 và tham vọng của Trung Quốc độc chiếm Biển Đông	Trần Ngọc Vương (ch.b.)	NXB. Thông tin và Truyền thông	2015	3	Các học phần chuyên ngành	
49	Biển Đông - Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải	G.M. Lokshin; E.V. Kobelev (ch.b.); Văn Thắng, Quang Anh (dịch)	NXB. Chính trị quốc gia	2016	3	Các học phần chuyên ngành	

50	Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế	Nguyễn Tuấn Khanh (ch.b.)	NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2015	3	Các học phần chuyên ngành	
51	Chủ quyền Việt Nam trên biển Đông và Hoàng Sa - Trường Sa	Nguyễn Đình Đầu	NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	2	Các học phần chuyên ngành	
52	Về vấn đề biển Đông	Nguyễn Ngọc Trường	NXB.Chính trị quốc gia	2014	3	Các học phần chuyên ngành	
53	Những yêu sách đối kháng của Việt Nam và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong biển Đông	Brice M. Claget ; Nguyễn Quang Vinh, Cao Xuân Thự (dịch)	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Các học phần chuyên ngành	
54	Địa lý tự nhiên biển Đông	Nguyễn Văn Âu	NXB. Đại học quốc gia Hà Nội	2008	5	Các học phần chuyên ngành	
55	Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay : Sách chuyên khảo	Phạm Thanh Hà	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2011	3	Các học phần chuyên ngành	
56	Chủ quyền quốc gia dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa và vấn đề đặt ra với Việt Nam	Phạm Văn Rân, Nguyễn Hoàng Giáp	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2010	2	Các học phần chuyên ngành	
57	Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21	Thomas Friedman, (Nguyễn Quang A – dịch	NXB. Trẻ	2014	3	Các học phần chuyên ngành	

60	Giáo trình kinh tế quốc tế : Chương trình cơ sở	Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (ch.b)	NXB. Đại học Kinh tế quốc dân	2012	10	Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương	
61	Giáo trình kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chỉnh (c.b)	NXB. Thống kê	2010	20	Các học phần chuyên ngành	
62	Ngoại giao và công tác ngoại giao	Vũ Dương Huân	NXB. Chính trị quốc gia	2012	5	Nghiệp vụ ngoại giao	
63	Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại	Lưu Thúy Hồng	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2015	3	Nghiệp vụ ngoại giao	
64	Giáo trình nhập môn khu vực học và Việt Nam học	Trần Lê Bảo	NXB. Đại học sư phạm	2013	5	Khu vực học	
65	Việt Nam trong thế giới Đông Á: Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học	Nguyễn Văn Kim	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2011	15	Khu vực học	
66	Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN: Tầm nhìn tới năm 2025	Luận Thùy Dương	NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật	2017	2	Các tổ chức quốc tế	
67	Hỏi đáp về cộng đồng kinh tế ASEAN	Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu (ch.b.)	NXB. Thông tin và Truyền thông	2016	2	Các tổ chức quốc tế	
68	Định vị kinh tế Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)		NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2016	2	Các học phần chuyên ngành	

69	Lịch sử văn hóa Đông Nam Á	Phạm Đức Dương	NXB. Văn hóa - Thông tin	2013	8	Các học phần chuyên ngành	
70	Văn hóa Đông Nam Á	Đỗ Tiến Sâm, Phạm Duy Đức (ch.b)	NXB. Chính trị quốc gia	2010	3	Các học phần chuyên ngành	
71	Văn hóa Đông Nam Á	Nguyễn Tấn Đắc	NXB. Khoa học - Xã hội	2010	5	Các học phần chuyên ngành	
72	Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Phạm Quang Minh	NXB. Đại học quốc gia Hà Nội	2015	5	Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương	
73	Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020	Phạm Bình Minh (ch.b.)	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Chính sách đối ngoại Việt Nam	
74	Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới	Phạm Bình Minh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	5	Chính sách đối ngoại Việt Nam	
75	Hỏi và đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta	Học viện ngoại giao	NXB. Chính trị quốc gia	2012	5	Chính sách đối ngoại Việt Nam	
76	Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) : Về nhiệm vụ an ninh - quốc phòng và chính sách đối ngoại	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB. Chính trị quốc gia	2005	4	Chính sách đối ngoại Việt Nam	
77	Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị	Phạm Hồng Tung	NXB. Chính trị quốc gia	2010	1	Các học phần chuyên ngành	

78	Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ	Ngô Xuân Bình	NXB. Khoa học Xã hội	2014	2	Quan hệ Việt – Mỹ	
79	Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ : thực trạng và triển vọng	Trần Nam Tiến	NXB. Thông tin và truyền thông	2010	3	Quan hệ Việt – Mỹ	
80	Quan hệ Hoa Kỳ - Asean 2001-2020	Nguyễn Thiết Sơn	NXB.Từ điển Bách khoa	2012	3	Quan hệ Việt – Mỹ	
81	Quản trị quan hệ công chúng	Lưu Văn Nghiêm	NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân	2011	10	Quan hệ công chúng	
82	PR lý luận & ứng dụng : Chiến lược PR chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ	Đinh Thị Thúy Hằng (ch.b.)	NXB. Lao động	2015	3	Quan hệ công chúng	
83	PR - Từ chưa biết đến chuyên gia	Hoàng Xuân Phương	NXB. Lao động	2015	3	Quan hệ công chúng	
84	Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 1)	Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (ch.b)	NXB. Hồng Đức	2013	10	Luật quốc tế	
85	Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 2)	Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long	NXB. Hồng Đức	2013	10	Luật quốc tế	
86	Giáo trình tư pháp quốc tế	Bành Quốc Tuấn	NXB. Chính trị quốc gia	2017	4	Luật quốc tế	

87	Giáo trình Tư pháp quốc tế	Nguyễn Bá Diến (ch.b)	NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	5	Luật quốc tế	
88	Tư pháp quốc tế	Lê Thị Nam Giang	NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	5	Luật quốc tế	
92	The art of public speaking	Stephen E. Lucas	Boston : McGraw Hill	2001	5	Các học phần tiếng Anh	
93	Academic writing : a handbook for international students	Stephen Bailey	New York : Routledge	2011	1	Các học phần tiếng Anh	
94	Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh	Nguyễn Quốc Hùng	NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh	2012	4	Các học phần tiếng Anh	

3.2. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo.

Bảng 3.2 - Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	**Tên sách chuyên khảo/tạp chí**	**Tên tác giả** **Đơn vị xuất bản**	**Nhà xuất bản** **số, tập, năm xuất bản**	**Số bản**	**Sử dụng cho môn học/học phần**	**Ghi chú**
1	Nghiên cứu quốc tế	Bộ ngoại giao - Học viện ngoại giao	ISSN :1859-0608	1	Các học phần	
2	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu châu Âu	ISSN :0868-3581	1	Các học phần	
3	Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam -Viện	ISSN :0868-2739	1	Các học phần	

		Nghiên cứu Đông Nam Á				
4	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu trung Quốc	ISSN :0868-3670	1	Các học phần	
5	Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện kinh tế và chính trị thế giới	ISSN :0868-2984	1	Các học phần	
6	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện sử họ	ISSN :0866-7497		Các học phần	
7	Tạp chí Lịch sử quân sự	Bộ quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam	ISSN :086-7683		Các học phần	
8	Tạp chí Lịch sử Đảng	Viện Lịch sử Đảng - Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	ISSN :0936-8477		Các học phần	

B - Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ quốc tế được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực của tỉnh Bình Dương nói riêng và vùng kinh tế Đông Nam Bộ nói chung. Chương trình đào tạo có sự tham khảo với các chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngoại giao. Hơn nữa, chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế được xây dựng bởi các chuyên gia đầu ngành của Nhà trường, tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và giảng viên dự kiến sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình.

Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ. Chương trình được hoàn thiện và góp ý bởi các chuyên gia khu vực Bình Dương, và TpHCM.

Với sự hỗ trợ từ các chuyên gia từ nhiều phía liên quan như đã nêu trên, cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Công nghệ thông tin như sau:

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương (Tín chỉ)	**Kiến thức giáo dục chuyên ngành**			
				98			
				Kiến thức cơ sở ngành (Tín chỉ)	Kiến thức chuyên ngành (Tín chỉ)	Thực tập doanh nghiệp (Tín chỉ)	Báo cáo tốt nghiệp (Tín chỉ)
Đại học	8 học kỳ	120	22	40	42	11	5

C- Kế hoạch tuyển sinh:

1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT.

2. Kế hoạch tuyển sinh 3 năm đầu: 150 sinh viên.

Cụ thể đối tượng và kế hoạch tuyển sinh năm 2020 như sau:

STT	**Ngành học**	**Mã ngành**	**Phương thức xét tuyển**	**Kế hoạch tuyển sinh (Số SV/năm)**
	Quan hệ quốc tế	7310206	Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2020. Theo quy định của Bộ GD&DT.	50

			Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh tổ chức năm 2020. Phương thức 3: Xet tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 12 của các trường THPT trong cả nước và tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của bộ GD&ĐT. Phương thức 4: Xét học bạ.	
	Tổng			**50**

D - Ý kiến của Hội đồng khoa học và Đào tạo
(Có Biên bản và Quyết nghị kèm theo)

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

3. Cam kết triển khai thực hiện.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

TS. Ngô Hồng Điệp

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, Ngày tháng năm

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

- Tên ngành: **QUAN HỆ QUỐC TẾ** Mã số: 7310206

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	**Sự cần thiết phải mở ngành**		
	1.1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	- Hoàn toàn phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển của tỉnh, của nhà trường cũng như đáp ứng các yêu cầu thực tế của xã hội	
	1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	- Phù hợp với danh mục đào tạo cấp IV trình độ đào tạo	
	1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)		
	1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	- Có	
	1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo	- Có (Khoa Sử)	
2	**Đội ngũ giảng viên**		
	2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo	- 30 (100%)	
	2.2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành:	- 25 giảng viên	
	2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo		

		- Đủ	
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	- không thỉnh giảng ngoài trường	
	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).		
3	**Cơ sở vật chất**		
	3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm	- Đảm bảo về số lượng và chất lượng	
	3.2. Thư viện, thư viện điện tử	- Có	
	3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo	- Có	
4	**Chương trình đào tạo**		
	4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo	- Có	
	4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo	- Có	
	4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo	- Có	
5	**Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng**		
	5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	- Có	
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định	- Có	
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

TS. NGÔ HỒNG ĐIỆP